

GIÁO DỤC PHÒNG NGỪA BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP (Nghiên cứu tại các trường THCS quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng)

Nhận bài:

11 – 02 – 2018

Chấp nhận đăng:

22 – 06 – 2018

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Võ Thanh Phước^{a*}, Nguyễn Văn Thịnh^b

Tóm tắt: Giáo dục (GD) phòng ngừa bạo lực học đường (BLHĐ) cho học sinh (HS) Trung học cơ sở (THCS) là một bộ phận quan trọng của quá trình GD toàn diện HS, góp phần tạo lập môi trường an toàn, lành mạnh cho HS học tập và phát triển. GD phòng ngừa BLHĐ cho HS THCS ở Việt Nam còn nhiều bất cập, kết quả GD không cao. Những hạn chế có cả ở nhận thức về công tác GD, cả ở nội dung lẫn hình thức tổ chức, cả kế hoạch lẫn tổ chức chỉ đạo thực hiện, cả phương pháp lẫn điều kiện GD phòng ngừa BLHĐ. Để thực hiện thành công mặt GD quan trọng này cần nhận thức lại mục tiêu GD; thống nhất về nội dung, phương pháp GD; tạo ra sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và thống nhất giữa các lực lượng GD trong Nhà trường, gia đình và xã hội, xây dựng mạng lưới GD HS ở mọi lúc, mọi nơi. Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực tiễn GD phòng ngừa BLHĐ cho HS THCS, nghiên cứu này đã đề xuất 06 giải pháp thúc đẩy lĩnh vực GD quan trọng này, góp phần nâng cao chất lượng GD, đáp ứng yêu cầu GD toàn diện nhân cách HS trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: bạo lực học đường; giáo dục; học sinh; phòng ngừa, trung học cơ sở.

1. Bối cảnh vấn đề

Bạo lực học đường (BLHĐ) là một hiện tượng đang trở thành vấn đề nghiêm trọng ở nhiều nước trong một vài thập kỉ gần đây.

Theo một công bố mới đây của Hiệp hội Giáo dục (GD) quốc gia Mỹ, BLHĐ ảnh hưởng đến 1/3 học sinh (HS) từ lớp 6 đến lớp 10; 28% HS Mỹ từ lớp 6 - 9 từng chịu BLHĐ, tỉ lệ này ở HS từ lớp 10 - 12 là 20%; 30% thanh thiếu niên thừa nhận từng bắt nạt người khác; gần 70% trong số HS bị bạo hành đều nói rằng Nhà trường đã không có biện pháp thiết thực đối với tình trạng này và chỉ có 20 - 30% HS bị bắt nạt thường thông báo cho người lớn về sự việc; 9/10 thanh thiếu niên thuộc nhóm LGBT (đồng tính) bị bạo hành bằng lời nói tại trường trong năm 2012 nhằm vào giới tính của họ. Những nghiên cứu gần đây ở Mỹ đã chỉ ra rằng

cứ 7 phút lại có một trẻ em bị bắt nạt; cứ 4 trẻ lại có một trẻ thừa nhận từng bắt nạt trẻ khác. Một cuộc thăm dò thực hiện ở trẻ có độ tuổi 12 - 17 cho kết quả các em đều thừa nhận bạo lực đang gia tăng ở trường học của mình, mỗi tháng có 282.000 HS ở các trường THCS Mỹ bị tấn công [14]. Cũng tại Mỹ, nghiên cứu của Hội đồng phòng ngừa tội phạm quốc gia (NCPC) cũng khẳng định 43% HS cả nam lẫn nữ thuộc độ tuổi từ 13 - 17 tuổi từng bị dọa nạt hoặc chế giễu trên internet [2] [4].

Theo các nghiên cứu thực hiện ở Châu Âu, BLHĐ xảy ra thường xuyên ở trường tiểu học, liên quan tới khoảng 15% số HS. Ở trung học cơ sở (THCS), tỉ lệ HS bị bắt nạt là từ 3% - 10%, với mức độ cao đột biến ở độ tuổi 13 - 14, khi các em HS bắt đầu tuổi dậy thì. Đến cấp trung học phổ thông (THPT), nạn bạo lực học đường bắt đầu có xu hướng giảm đi [2]. Tại châu Á, theo một nghiên cứu của Chính phủ Nhật Bản, nạn bắt nạt bạn trong trường học Nhật Bản tăng hơn 5% trong năm 2003 so với năm trước đó. Sách trắng về thanh thiếu niên năm 2013 thống kê 23.351 vụ bắt nạt trong các trường tiểu học và trung học công lập

^aTrường THCS Nguyễn Huệ, Thành phố Đà Nẵng

^bTrường Trung cấp Cảnh sát Nhân dân V, Bộ Công an

* Tác giả liên hệ

Võ Thanh Phước

Email: phuoc0304@gmail.com

cùng với các trường khiếm thính, khiếm thị và khuyết tật khác. Con số này vượt hơn năm trước 1.046 vụ, tăng 5,16%. Đây là lần tăng đầu tiên trong 8 năm qua. Các vụ bắt nạt trong trường học lên tới đỉnh điểm vào năm 1995 với 60.096 vụ [12]. Hàn Quốc cũng được coi là một trong những quốc gia có nạn bạo lực học đường nhức nhối trên thế giới. Theo kết quả khảo sát của Quỹ phòng ngừa bạo lực thanh thiếu niên Hàn Quốc tháng 11 và 12 năm 2009, trong số 4.073 HS tại 64 trường tiểu học và trung học có 20% thừa nhận từng bị bắt nạt ở trường, 63% nạn nhân phải “ném” đòn bạo lực ngay khi mới học tiểu học. Con số này cao hơn 6 - 7% so với số liệu thống kê năm 2007 (56,1%) và năm 2008 (56,8%). Tệ nạn này xảy ra nghiêm trọng đối với HS nữ hơn HS nam. Đáng lưu ý, nhiều HS đã không ý thức được hành vi bạo lực của mình. Khoảng 36% HS Hàn Quốc coi việc bắt nạt như một trò đùa, 20% thừa nhận hành vi bắt nạt bạn là không có lí do đặc biệt. Theo điều tra, số HS thường xuyên bắt nạt các bạn học khác thường hay xem phim bạo lực, hoặc do hoàn cảnh gia đình. 51,5% người được hỏi thừa nhận, thường xuyên chơi và xem phim, game bạo lực [13]. Tại Nam Phi, Cao ủy Nhân quyền Nam Phi cho thấy 40% trẻ em được phỏng vấn nói rằng chúng từng là các nạn nhân của tội phạm tại trường học; chỉ 23% HS cảm thấy an toàn khi đặt chân tới lớp; hơn 1/5 số vụ tấn công tình dục nhằm vào trẻ em được phát hiện diễn ra tại trường học. Có 60% HS tại các trường học ở Ethiopia trong năm 1996 cho rằng bạo lực có tác động tiêu cực đến việc học cũng như những cảm xúc của các em và 40% cho rằng các em khác bỏ học vì bạo lực (IBE, 1997). Ở các nước Đông Nam Á, tình trạng BLHĐ cũng diễn ra tương tự [2], [7].

Ở Việt Nam, BLHĐ được nghiên cứu trong các công trình của hàng loạt tác giả như: Phạm Hoàng Hà (2002); Nguyễn Phương Thảo và cộng sự (2005); Hoàng Gia Trang (2005); Nguyễn Thị Phương (2006); Trần Thị Minh Đức (2010); Trần Thị Tú Anh (2012). Các nghiên cứu tập trung làm rõ thực trạng, nguyên nhân của tình trạng BLHĐ ở HS các lứa tuổi khác nhau. Về thực trạng BLHĐ, theo số liệu thống kê đầu năm 2015 của Bộ GD&ĐT, trong một năm học, toàn quốc xảy ra khoảng 1.600 vụ HS đánh nhau ở cả trong và ngoài phạm vi Nhà trường, tương đương khoảng 5 vụ đánh nhau một ngày, trong đó cứ khoảng trên 5.200

HS thì có một vụ đánh nhau, cứ hơn 11.000 HS thì có một em bị buộc thôi học vì đánh nhau, cứ 9 trường thì có một trường có HS đánh nhau. Nghiên cứu của Viện nghiên cứu Y - Xã hội phối hợp với tổ chức PLAN Việt Nam (2014) cho thấy khoảng 80% HS cho biết từ trước đến nay đã bị bạo lực giới trong trường học ít nhất một lần; 71% bị bạo lực trong vòng 6 tháng qua, trong đó, bạo lực tinh thần (mắng chửi, đe dọa, bắt phạt, đặt điều, sỉ nhục,...) chiếm tỉ lệ cao nhất 73%, bạo lực thể chất (tát, đá, xô đẩy, kéo tóc, bạt tai, đánh đập,...) là 41% và bạo lực tình dục chiếm 19%. Mức độ an toàn ở Nhà trường được HS đánh giá rất thấp, chỉ 16% HS nữ và 19% HS nam cho rằng luôn an toàn trong khuôn viên trường học [5], [6].

Trước thực tế trên Chính phủ Việt Nam đã thực hiện các giải pháp quyết liệt, trong đó phải kể đến việc ban hành các văn bản như Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường giải pháp phòng, ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em; Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về môi trường GD an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, ngừa bạo lực học đường [11]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường GD lí tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020” (theo Quyết định số 1501/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ), theo đó nhiều giải pháp đã được triển khai như: đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy môn học GD công dân, môn học Đạo đức theo Đề án đổi mới chương trình GD phổ thông; đưa môn GD công dân thành môn thi tốt nghiệp THPT từ năm 2017; tăng cường công tác GD đạo đức, lối sống, kĩ năng sống, GD giá trị sống thông qua giảng dạy tích hợp vào các môn học, thông qua việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm; đẩy mạnh triển khai công tác tham vấn, tư vấn tâm lí học đường [1]; xây dựng và thực hiện bộ quy tắc về văn hóa ứng xử trong trường học. Các Nhà trường, các đoàn thể xã hội cũng đã có nhiều giải pháp nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho HS, từng bước ngăn chặn hành vi BLHĐ. Tuy nhiên, tình trạng BLHĐ chưa có dấu hiệu thuyên giảm, đặc biệt ở nhóm tuổi HS THCS.

Tại các trường THCS quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, các khảo sát cho thấy công tác phối hợp giữa cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể trong Nhà trường

Nhà trường với gia đình và xã hội trong GD phòng ngừa BLHĐ cho HS còn có nhiều hạn chế, bất cập dẫn đến tình trạng HS có hành vi BLHĐ vẫn còn phổ biến. Công tác quản lí và thực hiện GD pháp luật trong các Nhà trường mới chỉ dựa trên các văn bản hướng dẫn và kinh nghiệm riêng, quá trình quản lí và triển khai thực hiện GD pháp luật và GD phòng ngừa BLHĐ cho HS còn chưa thật hiệu quả. Điều này làm nên tính cấp thiết của những nghiên cứu sâu đánh giá thực trạng vấn đề làm cơ sở cho các giải pháp mới.

Về tổng thể, các nghiên cứu lí thuyết và thực tiễn về bạo lực nói chung, BLHĐ nói riêng ở nước ngoài và trong nước giải thích nguồn gốc BLHĐ dựa trên cơ sở sinh học, xã hội học và tâm lí học. Các tác giả tiếp cận vấn đề trên nền tảng các tiếp cận, các lí thuyết khác nhau và có những cách lí giải khác nhau về nguồn gốc phát sinh BLHĐ, và do vậy cũng sử dụng những phương pháp tác động và trị liệu khác nhau đối với BLHĐ [4], [8], [9]. Nói riêng ở Việt Nam, BLHĐ chỉ được nghiên cứu lồng ghép trong các công trình nghiên cứu về bạo lực đối với trẻ em nói chung. Có thể đây là lí do khiến nghiên cứu về BLHĐ còn mang tính ban đầu và thiếu sự hệ thống, chuyên sâu cả trên bình diện lí luận và thực tiễn.

Từ những lí do nêu trên, nghiên cứu “*Giáo dục phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh THCS - thực trạng và giải pháp*” được thực hiện với mục tiêu đề xuất các giải pháp giảm thiểu và ngăn chặn có hiệu quả BLHĐ, nâng cao chất lượng GD HS trong các trường THCS.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu “GD phòng ngừa bạo lực học đường cho HS THCS - Thực trạng và giải pháp” tập trung giải quyết các nhiệm vụ: 1) Nghiên cứu cơ sở lí luận về hoạt động GD phòng ngừa BLHĐ cho HS THCS; 2) Khảo sát và đánh giá thực trạng GD phòng ngừa BLHĐ ở các trường THCS; 3) Đề xuất các biện pháp GD phòng ngừa BLHĐ cho HS ở các trường THCS.

Để khảo sát và đánh giá thực trạng GD phòng ngừa BLHĐ ở các trường THCS các phương pháp nghiên cứu được sử dụng gồm phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn và quan sát. Mẫu khảo sát bao gồm 14 cán bộ quản lí GD (CBQL), 170 GV (GV), 150 HS, 170 cha mẹ HS (CMHS), 5 đại diện các tổ chức đoàn thể, xã hội tại 10 trường THCS trên địa bàn quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng - gồm các trường THCS Tây Sơn, Lý

Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Kim Đồng, Nguyễn Huệ, Lê Hồng Phong, Lê Thánh Tôn, Trưng Vương, Hồ Nghinh, Sào Nam. Nghiên cứu được thực hiện trong thời gian 2017-2018. Số liệu khảo sát được lấy từ năm 2015 đến 2018.

Điều tra bằng bảng hỏi được sử dụng với nhóm đối tượng là cán bộ quản lí, GV, HS, phụ huynh HS, các lực lượng xã hội tham gia GD. Nội dung bảng hỏi tập trung khảo sát thực trạng hoạt động GD phòng ngừa BLHĐ ở trường THCS, bao gồm thực trạng nhận thức về mục tiêu GD, thực trạng nội dung, phương pháp, hình thức, điều kiện GD phòng ngừa BLHĐ.

Phương pháp phỏng vấn được thực hiện với các HS đã từng có hành vi BLHĐ để tìm hiểu nhận thức, thái độ và hành vi BLHĐ. Phỏng vấn cũng được thực hiện với các thầy cô giáo (cán bộ quản lí và GV chủ nhiệm lớp) nhằm tìm hiểu nhận thức, thái độ của họ về tình trạng BLHĐ của HS trong phạm vi quản lí của Nhà trường; tiến hành với phụ huynh HS là cha hoặc mẹ của nạn nhân hay cha mẹ của những HS có hành vi BLHĐ để tìm hiểu về hoàn cảnh gia đình, thái độ của gia đình đối với hành vi BLHĐ của con em họ; thực hiện với các nhà quản lí GD và các lực lượng xã hội khác về thực trạng quản lí hoạt động GD phòng ngừa BLHĐ ở các trường THCS.

Phương pháp quan sát được thực hiện với GV và HS trong không gian các trường THCS và các giờ sinh hoạt của HS để phát hiện các hành vi bạo lực và cách HS, GV ứng xử với hành vi BLHĐ.

Các giải pháp đề xuất về GD phòng ngừa BLHĐ cho HS ở các trường THCS được khảo nghiệm bằng phương pháp chuyên gia. Các chuyên gia - là các chuyên gia tâm lí học và GD học, được xin ý kiến về tính cấp thiết và khả thi của các giải pháp đề xuất.

Phương pháp thống kê toán được sử dụng trong xử lí số liệu thu thập được.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Về thực trạng GD phòng ngừa BLHĐ

Các kết quả khảo sát cho thấy có 35,7% CBQL và 52,9% GV nhìn nhận mục tiêu GD phòng ngừa BLHĐ cho HS được quán triệt và thực hiện không thường xuyên, 50% CBQL và 32,4% GV nhìn nhận mục tiêu GD phòng ngừa BLHĐ cho HS không được quán triệt và thực hiện. Về kết quả hoạt động GD phòng ngừa

BLHĐ có 42,9% CBQL cho rằng kết quả ở mức trung bình, 35,7% - chưa tốt; 38,2% GV cho rằng kết quả ở mức trung bình và 32,4% - ở mức chưa tốt.

Về thực hiện mục tiêu nâng cao nhận thức cho PHHS và xã hội về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phòng ngừa BLHĐ trong trường học: 50% CBQL và 41,7% GV cho rằng mục tiêu này được thực hiện một cách không thường xuyên; chỉ có 14,3% tổng số CBQL và 17,6% GV được khảo sát nhìn nhận kết quả thực hiện mục tiêu này ở mức độ tốt.

Về nỗ lực tạo dựng các điều kiện phục vụ GD phòng ngừa BLHĐ cho HS: có 7,1% CBQL, 11,8%

GV chọn “thường xuyên”; 35,7% CBQL và 35,3% GV chọn mục “không thường xuyên”; 57,1% CBQL và 52,9% GV cho rằng các trường “không thực hiện” nỗ lực này.

Kết quả khảo sát về nội dung GD phòng ngừa BLHĐ cho HS THCS thể hiện ở Bảng 1. Kết quả cho thấy trên 60% các đối tượng khảo sát nhìn nhận các nội dung GD phòng ngừa BLHĐ được thực hiện ở mức độ thường xuyên.

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, Tổng phụ trách Đội, GV các trường THCS quận Hải Châu, Đà Nẵng về mức độ thực hiện các nội dung GD phòng ngừa BLHĐ cho HS

TT	Nội dung phòng ngừa bạo lực học đường	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không thực hiện	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Nhận diện các hành vi BLHĐ: hành vi, lời nói, cử chỉ, thái độ,...	157	83,1	32	16,9	0	0,0
2	GD ý thức chấp hành pháp luật	142	75,1	47	24,9	0	0,0
3	GD ý thức chấp hành nội quy trường, lớp	169	89,4	20	10,6	0	0,0
4	Đấu tranh với các biểu hiện có hành vi bạo lực học đường	137	72,4	52	27,6	0	0,0
5	Định hướng cho HS nhờ bạn bè, thầy cô giải quyết khi xảy ra mâu thuẫn mà bản thân không tự giải quyết được	122	64,6	67	35,4	0	0,0
6	GD cho HS không chơi các trò chơi mang tính kích động bạo lực, không mang đồ chơi có tính kích động bạo lực đến trường, lớp (súng, gươm,...)	142	75,1	47	24,9	0	0,0
7	Xây dựng trường học thân thiện, bạn bè tương thân tương ái giúp đỡ lẫn nhau	151	79,9	38	20,1	0	0,0

Tuy nhiên, kết quả thực hiện các nội dung GD này không đạt được kì vọng. Kết quả phỏng vấn và quan sát cho thấy chỉ có 24,6% HS nhận diện được hành vi BLHĐ; 26,0% HS thể hiện tốt ý thức chấp hành pháp luật; 44,6% có ý thức xây dựng trường học thân thiện; 41,0% có ý thức và có biểu hiện đấu tranh với các hành vi bạo lực học đường.

Kết quả khảo sát về phương pháp GD phòng ngừa BLHĐ ở HS THCS thể hiện ở Bảng 2. Các kết quả khảo sát cho thấy mức độ sử dụng đa dạng các phương pháp GD trong GD phòng ngừa BLHĐ là không cao; năng lực của cán bộ, GV làm công tác GD phòng ngừa BLHĐ chưa đáp ứng được yêu cầu cả về số lượng và chất lượng.

Bảng 2. Thực trạng sử dụng các phương pháp trong GD phòng ngừa BLHĐ

Các phương pháp GD	Nhóm	Mức độ sử dụng
--------------------	------	----------------

	khảo sát		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không thực hiện
	GV	SL			
Giảng giải cho HS nhận thức những hành vi xử sự đúng sai khi xảy ra va chạm, mâu thuẫn, đồng thời cũng tạo điều kiện cho các em có cơ hội để sửa chữa khuyết điểm của mình	GV	SL	108	62	0
		%	63,5	36,5	0
	HS	SL	280	220	0
		%	56,0	44,0	0
Đối thoại trực tiếp giữa GV và HS, giữa HS với HS khi xảy ra mâu thuẫn	GV	SL	109	61	0
		%	64,1	35,9	0
	HS	SL	310	190	0
		%	62,0	38,0	0
Kể những câu chuyện về các tình huống có mâu thuẫn trong cuộc sống để HS tự rút ra bài học	GV	SL	97	73	0
		%	57,1	42,9	0
	HS	SL	264	236	0
		%	52,8	47,2	0
Nêu những gương tốt về hành vi phòng ngừa BLHĐ	GV	SL	28	45	97
		%	16,5	26,4	58,0
	HS	SL	80	120	300
		%	16,0	24,0	60,0
Khen thưởng những tập thể, cá nhân có việc làm tốt về phòng ngừa BLHĐ	GV	SL	77	93	0
		%	45,3	54,7	0
	HS	SL	242	258	0
		%	48,4	51,6	0
Cho HS đóng vai trong các tình huống có mâu thuẫn để HS tự giải quyết	GV	SL	17	88	65
		%	15,9	45,9	38,2
	HS	SL	75	181	244
		%	15,0	36,2	48,8
Kỷ luật nghiêm khắc đối với những HS có các hành vi BLHĐ (phạt trực nhật, mời gia đình, tạm đình chỉ học tập,...)	GV	SL	20	35	115
		%	11,8	20,6	67,6
	HS	SL	65	177	258
		%	13,0	35,4	51,6

Kết quả phỏng vấn cho thấy HS thường ngại đến gặp các thầy cô trong Ban Giám hiệu, GVCN, TPT Đội, GVCM để “trút nỗi lòng” do các em có suy nghĩ “thầy cô không giúp được”, hoặc sợ bí mật riêng tư bị tiết lộ, hoặc quỹ thời gian của HS ở trường không có vì lịch học, hoặc bị đe dọa nên không dám công khai. Khi gặp sự cố liên quan đến bạo lực hoặc BLHĐ mà không biết cách giải quyết, các em thường vào các diễn đàn trên mạng, chia sẻ với bạn bè thân chứ không thổ lộ với gia đình hoặc thầy cô giáo. Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa GVBM và các GV chủ nhiệm, Giám thị, cán bộ Đoàn, Đội, cha mẹ HS trong việc phát hiện HS có “vấn đề” để chủ động tư vấn, hướng dẫn, giải quyết những mâu thuẫn và khó khăn của các em. Ở các trường

chưa có GV chuyên trách về công tác GD phòng ngừa BLHĐ; đảm trách công tác này chủ yếu do các thầy cô GVCN, TPT Đội, Giám thị dựa trên kinh nghiệm thực tiễn của mình. Do đó, hoạt động GD phòng ngừa BLHĐ thiếu tính chuyên nghiệp, trong nhiều trường hợp GV còn gặp lúng túng, không biết cách giải quyết.

Về các hình thức tổ chức hoạt động GD, kết quả khảo sát ở Bảng 3 cho thấy mức độ sử dụng không thường xuyên các hình thức chính của GD phòng ngừa BLHĐ. Các thầy cô giáo tập trung nhiều hơn vào dạy học và truyền đạt nội dung kiến thức cho HS, còn nội dung GD phòng ngừa BLHĐ chưa được đề cập đúng mức. Một số GVCN còn xem nhẹ công tác GD đạo đức cho HS, phó mặc cho Ban Giám thị, hoặc thực hiện qua

loa trong giờ sinh hoạt, GV bộ môn đổ trách nhiệm cho GVCN, TPT Đội đổ trách nhiệm cho lớp, GVCN đổ trách nhiệm cho BGH, BGH quy trách nhiệm cho GVCN quản lí lớp. Thậm chí, có cán bộ quản lí, vì thành tích của Nhà trường, có những biểu hiện bao che

hoặc giấu diếm thực trạng BLHĐ đối với lãnh đạo cấp trên hay dư luận xã hội. Các hoạt động VHVN, TDTT, các hoạt động từ thiện nhân đạo là cơ hội để tuyên truyền, GD phòng ngừa BLHĐ cho HS nhưng cũng chỉ dừng ở mức độ phong trào trong các dịp lễ hội.

Bảng 3. Đánh giá của HS về các hình thức GD phòng ngừa BLHĐ

STT	Các hình thức GD phòng ngừa bạo lực học đường	Mức độ					
		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Thông qua hoạt động dạy học	168	33,6	278	55,6	54	10,8
2	Hoạt động GD ngoài giờ lên lớp (văn hóa văn nghệ, TDTT,...)	318	63,6	158	31,5	24	4,9
3	Thông qua sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ	213	42,6	280	56,0	7	1,4
4	Thông qua các hoạt động từ thiện, nhân đạo	158	31,6	323	64,6	19	3,8
5	Thông qua hoạt động tự rèn luyện, tự tu dưỡng của HS	193	38,6	243	48,6	64	12,8
6	Thông qua tấm gương đạo đức của chính thầy cô giáo	208	41,6	243	48,6	49	9,8

Về các lực lượng xã hội tham gia GD phòng ngừa BLHĐ: kết quả phỏng vấn HS cho thấy: 41,7% các em nói rằng bị cha mẹ “mắng chửi và đánh” khi con cái có hành vi bạo lực; chỉ có 9,4% cha mẹ dùng biện pháp “khuyến bảo nhẹ nhàng”; 6,3% - cha mẹ yêu cầu phải “xin lỗi bạn”; và có đến 42,6% nói rằng “cha mẹ không quan tâm đến hành vi đánh nhau của con cái”. Không có HS nào kể được trường hợp có sự tham gia của các lực lượng xã hội vào công tác GD phòng ngừa BLHĐ hay hỗ trợ HS bị bạo lực.

Về quản lí công tác GD phòng ngừa BLHĐ, kết quả phỏng vấn cho thấy có 85% GV và 82% HS cho rằng Nhà trường có kế hoạch, chương trình cụ thể về hoạt động của Ban chỉ đạo GD phòng ngừa BLHĐ ngay từ đầu năm học; 14,3% CBQL cho rằng Nhà trường “rất thường xuyên” chỉ đạo việc xây dựng chương trình, kế hoạch GD phòng ngừa BLHĐ. Tuy nhiên, 85,7% thành viên Ban chỉ đạo cho rằng chưa thường xuyên theo dõi hoạt động GD phòng ngừa BLHĐ, chưa thực hiện nghiêm túc các buổi trực theo chỉ đạo của Nhà trường, chưa thường xuyên duyệt kế hoạch, chương trình GD phòng ngừa BLHĐ; 41,7% GV và 35,7% CBQL cho rằng công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác GD phòng ngừa BLHĐ không

hiệu quả. Mức độ hiệu quả của quản lí hoạt động này không cao: chỉ 7,1% GV và 14,3% CBQL chọn mức “rất hiệu quả”.

Các kết quả khảo sát nêu trên cho thấy những bất cập lớn trong hoạt động GD phòng ngừa BLHĐ ở các trường THCS, cả trong nhận thức về mục tiêu, thực hiện hoạt động GD và quản lí hoạt động GD này. Cần thiết phải có những giải pháp triệt để khắc phục những nhược điểm và thúc đẩy hoạt động GD này đạt đến hiệu quả cần thiết.

3.2. Đề xuất các giải pháp GD phòng ngừa BLHĐ

Trên cơ sở thực trạng vấn đề được khảo sát, dựa trên nền tảng lí luận GD học và quản lí GD, nghiên cứu tập trung đề xuất các giải pháp GD phòng ngừa BLHĐ cho HS ở các trường THCS.

Các giải pháp được đề xuất dựa trên nguyên tắc: 1) Đảm bảo tính đồng bộ -tác động đồng bộ vào các yếu tố của quá trình GD; 2) Đảm bảo tính hiệu quả - đạt được kết quả như dự kiến ban đầu; 3) Đảm bảo tính thực tiễn - sát với thực tiễn, có tính khả thi cao, đáp ứng được mục tiêu, nhiệm vụ GD; 4) Đảm bảo tính hệ thống - sử dụng đồng thời cả hệ thống giải pháp, không sử dụng đơn lẻ từng giải pháp.

Các giải pháp đề xuất bao gồm: 1) Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, phụ huynh và các lực lượng xã hội tham gia GD về công tác GD phòng ngừa bạo lực học đường; 2) Bồi dưỡng nghiệp vụ GD và quản lí HS cho lực lượng GV chủ nhiệm, GV bộ môn và cho đội ngũ những người làm công tác Đội trong Nhà trường THCS; 3) Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa với nhiều hình thức đa dạng, phong phú với mục đích GD cho HS các kỹ năng sống; 4) Xây dựng và triển khai phong trào thi đua không có hành vi bạo lực học đường; 5) Tăng cường kết hợp chặt chẽ giữa Nhà trường với gia đình, các tổ chức chính trị - đoàn thể trong GD phòng ngừa bạo lực học đường và quản lí HS; 6) Xây dựng Phòng tư vấn tâm lí và tổ chức tốt công tác tham vấn tâm lí cho học sinh, GV, CMHS và các lực lượng GD khác.

Giải pháp “Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lí, GV, phụ huynh và các lực lượng xã hội tham gia GD về công tác GD phòng ngừa bạo lực học đường” tập trung vào nâng cao nhận thức của các chủ thể GD về nội dung, ý nghĩa, phương pháp, trách nhiệm đối với GD phòng ngừa BLHĐ cho HS. Các hình thức tác động bao gồm: thiết lập và giới thiệu Ban chỉ đạo GD phòng ngừa BLHĐ của Nhà trường đến toàn thể HS, CMHS, các lực lượng GD ngay từ đầu năm học mới; tuyên truyền dưới cờ vào các buổi chào cờ đầu tuần về các nội dung, hình thức, hoạt động GD, đặc biệt về các hình thức tư vấn cho HS; tổ chức các buổi hoạt động tuyên truyền, hội thảo trong Hội đồng sư phạm Nhà trường, trong GV chủ nhiệm, Đoàn, Đội; thống nhất cách thức hoạt động, phát phiếu thông tin về điện thoại, tên của các thành viên trong Ban chỉ đạo GD phòng ngừa BLHĐ trong các cuộc họp với CMHS.

Giải pháp “Bồi dưỡng nghiệp vụ GD và quản lí HS cho lực lượng GV chủ nhiệm, GV bộ môn và cho đội ngũ những người làm công tác Đội trong Nhà trường THCS” thực hiện thông qua việc mời tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng do Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT tổ chức; mời các báo cáo viên tổ chức bồi dưỡng và góp ý kiến trực tiếp qua kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kì; tổ chức tọa đàm, hội thảo về công tác GD phòng ngừa BLHĐ cho HS; tập huấn các kỹ năng kiểm chế bản thân, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn bằng thương lượng và hòa giải cho GV và HS. Tổ chức bồi dưỡng cho CMHS kiến thức về sự phát triển tâm sinh lí của HS.

Giải pháp “Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa với nhiều hình thức đa dạng, phong phú với mục đích GD cho HS các kỹ năng sống” được thực hiện với sự phối hợp của các cơ quan chức năng, các đoàn thể xã hội, gia đình HS. Ở đây cần phát huy thế mạnh của phương pháp GD lấy HS làm trung tâm, tăng cường giao tiếp hai chiều, tổ chức các hoạt động vui chơi bổ ích để các em được bày tỏ, được thể hiện, được khẳng định mình. Phối hợp với chính quyền, công an địa phương quản lí, giám sát đối với các cơ sở kinh doanh các dịch vụ giải trí và nơi sinh hoạt công cộng.

Giải pháp “Xây dựng và triển khai phong trào thi đua không có hành vi bạo lực học đường” tập trung phát hiện ra những kinh nghiệm tích cực để kịp thời động viên, khuyến khích, đồng thời tìm ra những sai sót, lệch lạc, mâu thuẫn với mục tiêu dự kiến, những mặt còn yếu kém, khó khăn trở ngại, những vấn đề mới nảy sinh cần giải quyết, những nguyên nhân của tồn tại. Gắn các nội dung GD phòng ngừa bạo lực học đường và tệ nạn xã hội với các tiêu chí bình xét thi đua của CBQL, GV, HS.

Giải pháp “Tăng cường kết hợp chặt chẽ giữa Nhà trường với gia đình, các tổ chức chính trị - đoàn thể trong GD phòng ngừa bạo lực học đường và quản lí HS” tập trung vào việc đưa mục tiêu, nội dung GD trong Nhà trường vào hoạt động của các tổ chức xã hội trong địa phương như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Câu lạc bộ những người cao tuổi,... nhằm thống nhất các tác động đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách của trẻ. Phát huy vai trò Nhà trường là trung tâm văn hóa GD của địa phương, tổ chức việc phổ biến các tri thức khoa học kĩ thuật, văn hóa xã hội,... đặc biệt là những kiến thức về GD trẻ trong điều kiện xã hội phát triển theo cơ chế thị trường

đang rất phức tạp. Phối hợp với địa phương tổ chức cho HS tham gia tích cực vào các hoạt động văn hóa xã hội như: xóa đói giảm nghèo, dân số kế hoạch hóa gia đình, đền ơn đáp nghĩa, xây dựng gia đình văn hóa mới,... nhằm góp phần xây dựng môi trường gia đình và xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

Giải pháp “Xây dựng Phòng tư vấn tâm lý và tổ chức tốt công tác tham vấn tâm lý cho học sinh, GV, CMHS và các lực lượng GD khác” hướng đến thực hiện thực chất nhiệm vụ tư vấn tâm lý trong Nhà trường [10]. Ở giải pháp này các nội dung chính là: thành lập tổ tư vấn; xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện tham vấn cho từng GV, HS, CMHS. Thành lập trang Tư vấn tâm lý trên Website trường và đăng tải các hoạt động tư vấn tâm lý của Nhà trường; vận động HS tham gia vào đội cộng tác viên tư vấn tâm lý.

Để đánh giá tính cấp thiết và tính khả thi của các giải pháp đề xuất, trong nghiên cứu này đã trưng cầu ý kiến của 168 chuyên gia, giảng viên, GV và CBQL từ 5 trường THCS quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và từ Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Kết quả khảo nghiệm cho thấy các giải pháp đều nhận được sự đồng thuận cao. Về tính cần thiết: trung bình là 89,3% đối tượng được hỏi đồng thuận cao, trong đó giải pháp 1 có 100% và giải pháp 6 có 80% ý kiến đồng thuận. Về tính khả thi của các giải pháp: giải pháp 1 được đánh giá cao nhất với 100% ý kiến đồng thuận; giải pháp 2-92,3%; giải pháp 3-89,3%; giải pháp 4-80,4%; giải pháp 5-85,7% và giải pháp 6-77,4% ý kiến đồng thuận.

Kết quả này cho thấy cả 6 giải pháp hoàn toàn có thể áp dụng trong điều kiện thực tế hiện nay của các trường THCS và phù hợp với đại bộ phận các lực lượng tham gia vào hoạt động GD phòng ngừa BLHĐ cho HS.

4. Kết luận

GD phòng ngừa BLHĐ cho HS là một bộ phận quan trọng trong quá trình GD toàn diện HS, góp phần tạo lập môi trường an toàn, lành mạnh cho các em HS học tập và phát triển. GD phòng ngừa BLHĐ đòi hỏi sự thống nhất về mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phương pháp và hình thức nhằm phát huy những thế mạnh và hạn chế những mặt yếu của từng lực lượng GD để tạo ra sức mạnh tổng hợp.

Thực tiễn GD phòng ngừa BLHĐ cho HS THCS còn nhiều bất cập, kết quả GD không cao. Những hạn

chế, tồn tại có cả ở nhận thức về công tác GD, cả ở nội dung lẫn hình thức tổ chức, cả kế hoạch lẫn tổ chức chỉ đạo thực hiện, cả phương pháp lẫn điều kiện tổ chức GD phòng ngừa BLHĐ. Công tác GD phòng ngừa BLHĐ vẫn còn mang tính hình thức, chiếu lệ. Để thực hiện thành công mặt GD quan trọng này cần nhận thức lại mục tiêu GD; thống nhất trong nội dung, phương pháp GD; tạo ra sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và thống nhất giữa các lực lượng GD trong Nhà trường, gia đình và xã hội để xây dựng mạng lưới GD HS ở mọi lúc, mọi nơi. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn GD phòng ngừa BLHĐ cho HS THCS, nghiên cứu này đã đề xuất 06 giải pháp thúc đẩy lĩnh vực GD quan trọng này. Các giải pháp được đề xuất trên đây nếu được thực hiện đồng bộ, kết hợp hợp lý, khoa học sẽ phát huy tác dụng một cách tối ưu trong việc nâng cao chất lượng GD, đáp ứng yêu cầu GD toàn diện nhân cách HS.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 12/11/2013 về “Đổi mới căn bản, toàn diện GD và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*.
- [2] Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Mai Lan (2013). *Bạo lực đường Việt Nam hiện nay nhìn từ góc độ tâm lý học*. NXB Từ điển Bách khoa.
- [3] Nguyễn Thị Cẩm (2012). *Bạo lực học đường và những hậu quả. Kí yếu hội thảo khoa học*, Trường Đại học Hà Tĩnh.
- [4] Lê Văn Cường, Trương Như Vương, Trương Đức Thành, Kim Khuê (1999). *Tâm lý tội phạm và vấn đề chống tội phạm*. NXB Công an nhân dân.
- [5] Nguyễn Minh Đức (chủ biên), Trần Cảnh Hưng, Nguyễn Trường Giang (2011). *Phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm trong học đường*. NXB Công an nhân dân.
- [6] Đỗ Thị Ngọc Khanh (2014). Một số yếu tố chi phối bạo lực học đường nhìn từ góc độ hành vi. *Tạp chí Tâm lý học*, 11-11/2014.
- [7] Nguyễn Văn Lượ (2009). *Bạo lực học đường: Nguyên nhân và một số biện pháp hạn chế*. *Tạp chí Thế giới mới*, 864, 14/12/2009.
- [8] Đỗ Thị Nga (2014). *Bạo lực học đường và hậu quả đối với nạn nhân bị bạo lực học đường*. *Tạp chí Tâm lý học*, 11.
- [9] Ngô Minh Oanh (2014). *Bạo lực học đường nhìn từ góc độ đạo đức. Kí yếu Hội thảo khoa học Thực trạng và giải pháp ngăn chặn bạo lực học đường*

trong trường phổ thông, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

thân thiện, phòng chống BLHD.

- [10] Lê Quang Sơn (2016). Sự khác biệt về vai trò giữa nhà tâm lý học đường với nhà giáo và những vấn đề đặt ra cho công tác tâm lý học đường. *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế lần V Phát triển tâm lý học học đường trên thế giới và ở Việt Nam*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 91-98.
- [11] Thủ tướng Chính phủ (2017). *Nghị định 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017, đã quy định trách nhiệm bảo đảm môi trường GD an toàn, lành mạnh,*

- [12] Bullying cases in Japanese schools hit record high in 2016, Kyodo News, 26th Oct. 2017.
- [13] Kim Jae-Won (2013). *School violence unveils ugly aspects of Korea*. The Korea Times, March, 18.
- [14] National Center for Injury Prevention and Control (2016). *Division of Violence Prevention, Understanding school violence*. Fact sheet.

VIOLENCE PREVENTION EDUCATION FOR SECONDARY SCHOOL STUDENTS: STATUS AND SOLUTIONS (Case studies from secondary schools at Hai Chau district, Danang city)

Abstract: Violence Prevention Education (VPE) for secondary school students is an important part of the comprehensive education process, contributing to the creation of a safe, healthy environment for students to study and develop. VPE for secondary school children in Vietnam still has many shortcomings, the results of VPE is not high. Limitations include both the content and the methodology, both the plan and the implementing organization, both organization form and the conditions for implementation. In order to get successfully about VPE, we need re-realize the goal of education; unified content, methods of education; to create a coherent, synchronous and unified relationship between educational forces, the family and the society, to build an educational network for children any where, any time. Based on theoretical and practical research on VPE for secondary school students. The research proposes six measures to promote this project, contributes to the improvement of quality of education for students today.

Key words: school violence; education; students; prevention; secondary school.